

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 298/QĐ-UBND

Minh Long, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Long Môn
giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐCP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Công văn số 2307/BXD-QHKT ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD);

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 09/09/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất huyện Minh Long;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Công văn số 7212/SXD-QHKT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi về việc phối hợp hướng dẫn Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới các cấp giao đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 395/SXD-QHKT ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi về việc hướng dẫn thực hiện lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và tiêu chí quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao;

Căn cứ Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2023 của chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Minh Long về việc phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Long Môn, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Công văn số 2729/SXD-QHKT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi về việc góp ý đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng các xã: xã Long Môn và Long Mai, huyện Minh Long, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của UBND xã Long Môn tại Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 28/12/2023 về việc thẩm định, phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Long Môn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (kèm theo hồ sơ trình thẩm định đồ án) và đề xuất của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Báo cáo thẩm định số 94/BCTĐ-KTHT ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Long Môn, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, với các nội dung chính sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

a) Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Long Môn, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

b) Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch.

- Khu vực lập quy hoạch xây dựng: xã Long Môn, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

- Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch: Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên xã Long Môn, huyện Minh Long

với diện tích khoảng 6.947,51 ha (theo số liệu thống kê đất đai đến ngày 31/12/2021 xã Long Môn), Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp: Xã Thanh An, huyện Minh Long.
- Phía Tây giáp: Xã Sơn Cao, xã Sơn Kỳ, xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà.
- Phía Nam giáp: Xã Ba Điền, huyện Ba Tơ.
- Phía Bắc giáp: Xã Long Sơn, huyện Minh Long và xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

a) Mục tiêu lập quy hoạch

- Việc lập đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Long Môn là cụ thể hóa định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện Minh Long, phù hợp với điều kiện tự nhiên và tình hình thực tế của địa phương. Đồng thời, đáp ứng các tiêu chí xã Nông thôn mới được quy định tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Tổ chức, kết nối hợp lý mạng lưới các khu chức năng như: Trung tâm xã, các điểm dân cư, thương mại dịch vụ, văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, kết cấu hạ tầng đồng bộ, phù hợp; Đảm bảo quốc phòng, an ninh; xây dựng nông thôn phát triển, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ...

- Cụ thể hóa quy hoạch sử dụng đất cấp huyện để làm cơ sở lập các quy hoạch chi tiết và lập các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện và định hướng phát triển kinh tế của xã Long Môn trong giai đoạn 2021-2030.

- Làm cơ sở pháp lý kêu gọi đầu tư xây dựng và quản lý các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt, thu hút kêu gọi đầu tư xây dựng trên địa bàn xã.

b) Tính chất, chức năng đồ án quy hoạch

Xã Long Môn là xã miền núi xác định phát triển kinh tế xã hội chủ yếu là: Tập trung phát triển nông - lâm nghiệp là chính, gắn với du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng trong thời gian tới.

- Định hướng phát triển kinh tế xã Long Môn mang tính đột phá phát triển nông - lâm nghiệp, hình thành các vùng trồng cây gỗ lớn, cây ăn quả, cây chè, chăn nuôi sẽ mang lại nguồn lợi kinh tế ổn định, bền vững cho xã.

- Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Long Môn, để phù hợp mô hình quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo các tiêu chí của Chính phủ và của tỉnh về xây dựng nông thôn mới, đảm bảo phù hợp với phát triển kinh tế xã hội vùng huyện Minh Long

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật chủ

yếu:

a) Quy mô dân số, lao động

- Hiện trạng năm 2021: Dân số toàn xã có 1.494 người, dân số trong độ tuổi lao động 899 người.

- Đến năm 2025: Dân số toàn xã có 1.551 người, dân số trong độ tuổi lao động 946 người.

- Đến năm 2030: Dân số toàn xã có 1.614 người, dân số trong độ tuổi lao động 1.017 người.

b) Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật chủ yếu tính đến năm 2030 theo dân số và quy hoạch sử dụng đất được lập

Bảng 1: Chỉ tiêu sử dụng đất hạ tầng xã hội, kỹ thuật

Stt	Hạng mục	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	Bán kính phục vụ tối đa
I	Chỉ tiêu về sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn			
1.1	Đất xây dựng công trình nhà ở		25 m ² /người	
1.2	Đất xây dựng công trình công cộng - dịch vụ		5 m ² /người	
1.3	Cây xanh công cộng		2 m ² /người	
1.4	Đất giao thông - hạ tầng kỹ thuật		5 m ² /người	
II	Chỉ tiêu quy mô tối thiểu của các công trình công cộng, dịch vụ			
2.1	Giáo dục			
a	Trường, điểm trường mầm non	50 chỗ/1000 dân	12 m ² /chỗ	2km
b	Trường, điểm trường tiểu học	65 chỗ/1000 dân	10 m ² /chỗ	2km
c	Trường trung học cơ sở	55 chỗ/1000 dân	10 m ² /chỗ	
2.2	Y tế			
	Trạm y tế xã - Không có vườn thuốc - Có vườn thuốc	1 trạm/xã	500 m ² /trạm 1.000 m ² /trạm	
2.3	Văn hóa, thể thao công cộng			
a	Nhà văn hóa		1.000 m ² /công trình	
b	Phòng truyền thống		200 m ² /công	

Stt	Hạng mục	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	Bán kính phục vụ tối đa
			trình	
c	Thư viện		200 m ² /công trình	
d	Hội trường		100 chỗ/công trình	
e	Cụm công trình, sân bãi thể thao		5.000 m ² /cụm	
2.4	Cửa hàng dịch vụ			
	Cửa hàng dịch vụ trung tâm		300 m ²	
2.4	Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập Internet)	1 điểm/xã	150 m ² /điểm	
2.5	Trụ sở Công an	1 điểm/xã	1.000 m ² /điểm	
III	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
3.1	Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt	- Tiêu chuẩn cấp nước (tập trung) sinh hoạt ≥ 60 lít/người/ngày đêm; công cộng $\geq 10\%$ của nước sinh hoạt, TTCN $\geq 8\%$ nước sinh hoạt, cấp nước sản xuất (cụm công nghiệp) 20m ³ /ha.		
3.2	Chỉ tiêu cấp điện	- Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt: 150 W/người. - Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng $\geq 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt của xã. - Sản xuất: theo các yêu cầu cụ thể của từng cơ sở sản xuất.		
3.3	Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải	$\geq 60\%$ nước cấp sinh hoạt.		
3.4	Chỉ tiêu rác thải, chất thải rắn	- Chỉ tiêu rác thải, chất thải rắn là 0,8 kg/người/ng.đêm. - Chất thải rắn sinh hoạt và sản xuất phải được thu gom và xử lý tại các cơ sở xử lý tập trung.		
3.5	Nghĩa trang	- Quy mô diện tích các nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu 0,04 ha/1000 người. - Diện tích đất xây dựng cho một mộ phần: hưng táng (khu chôn một thời gian 3-5 năm) và chôn cất một lần: ≤ 5 m ² /mộ, cát táng (khu dành cát táng): ≤ 3 m ² /mộ; số lượng từ 2-4 nghĩa trang; bán kính phục vụ ≥ 3 km). Xác định diện tích đất nghĩa trang, diện tích đất		

Stt	Hạng mục	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	Bán kính phục vụ tối đa
		xây dựng cho một mô phần.		
3.6	Chỉ tiêu về hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất	Áp dụng TCVN 8423:2020; TCVN 4118:2021 công trình thủy lợi, hệ thống kênh tưới tiêu, trạm bơm, hồ chứa, và các công trình thủy lợi khác.		
3.7	Giao thông (Áp dụng Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022)	- Đường xã và đường trung tâm xã đến đường huyện (cấp A) chiều rộng mặt đường $\geq 3,5\text{m}$; chiều rộng nền đường $\geq 6,0\text{m}$. - Đường xã và đường trung tâm xã đến đường huyện (cấp B) chiều rộng mặt đường $\geq 3,5\text{m}$; chiều rộng nền đường $\geq 5,0\text{m}$. - Đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản (cấp C) chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$; chiều rộng nền đường $4,0\text{m}$. - Đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng (cấp D) chiều rộng mặt đường $\geq 1,5\text{m}$; chiều rộng nền đường $\geq 2,0\text{m}$.		

4. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã:

a) Định hướng tổ chức hệ thống, ranh giới, diện tích khu trung tâm xã

Định hướng tổ chức không gian, phân khu chức năng: Khu trung tâm xã bao gồm các công trình hành chính, công trình công cộng, y tế, giáo dục - đào tạo, dịch vụ - thương mại, văn hóa, thể dục thể thao, vui chơi giải trí của xã, khu ở chính trang và xây dựng ở mới, khu trung tâm xã tại thôn Làng Trê với tổng diện tích quy hoạch là 30,0 ha.

Bảng 2: tổng hợp dự kiến các công trình thuộc Khu trung tâm xã:

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích (m ²)			Ghi chú
			2021	2025	2030	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Công trình hành chính		11.116	22.171	22.171	
1.1	Trung tâm hành chính xã Long Môn	Thôn Làng Trê	11.116	14.971	14.971	Mở rộng diện tích
1.2	Công an xã	Thôn Làng Trê	-	4.200	4.200	Quy hoạch xây mới
1.3	Ban chỉ huy quân sự	Thôn Làng Trê	-	3.000	3.000	Quy hoạch xây mới
2	Công trình giáo dục		12.846	15.846	15.846	
*	Trường TH&THCS					
2.1	Trường PTDTBT TH&THCS Long Môn	Thôn Làng Trê	6.077	9.077	9.077	Mở rộng diện tích
2.2	Trường PTDTNT TH&THCS Long Môn	Thôn Làng Trê	4.053	4.053	4.053	Giữ nguyên diện tích
*	Trường mầm non					
2.4	Trường mầm non xã Long Môn	Thôn Làng Trê	2.716	2.716	2.716	Giữ nguyên diện tích

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích (m ²)			Ghi chú
			2021	2025	2030	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3	Công trình y tế		2.686	2.686	2.686	
3.1	Trạm y tế xã	Thôn Làng Trê	2.686	2.686	2.686	Giữ nguyên diện tích
4	Bưu điện		498	498	498	
4.1	Bưu điện xã Long Môn	Thôn Làng Trê	498	498	498	Cải tạo cảnh quan
5	Công trình thương mại, dịch vụ		0	1992	1992	
5.1	Cửa hàng thương mại	Thôn Làng Trê	-	692	692	Quy hoạch xây mới
5.2	Hợp tác xã	Thôn Làng Trê	-	300	300	Quy hoạch xây mới
5.3	Trạm xăng dầu xã Long Môn	Thôn Làng Trê	-	1000	1000	Quy hoạch xây mới
6	Công trình văn hóa, thể thao		4.407	11.907	11.907	
6.1	Nhà văn hóa thôn Làng Trê	Thôn Làng Trê	1.107	1.107	1.107	Giữ nguyên diện tích
6.2	Sân thể thao xã Long Môn	Thôn Làng Trê	3.300	6.800	6.800	Mở rộng diện tích
6.3	Nhà thi đấu đa năng xã Long Môn	Thôn Làng Trê	-	4.000	4.000	Quy hoạch xây mới
7	Khu vui chơi, giải trí công cộng		2.062	2.062	2.062	
7.1	Công viên cây xanh		2.062	2.062	2.062	Giữ nguyên diện tích
Tổng (1+2+3+4+5+6+7)			33.615	57.162	57.162	

b) Định hướng quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo thôn, xóm cũ

b.1. Định hướng khu dân cư mới giai đoạn 2021-2030

Khu dân cư mới được hình thành trên cơ sở các điểm dân cư đã hình thành theo các trục đường giao thông hiện hữu và dọc theo tuyến đường quy hoạch trên địa bàn xã. Từng bước cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các khu thể dục thể thao phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, sinh hoạt cộng đồng của người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn.

Phát triển nhà ở đồng bộ theo các dự án khu dân cư mới đi đôi với phát triển đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và quy chế kiểm soát phát triển từng khu vực.

Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc, xây dựng đối với nhà dân tự xây để kiểm soát tình trạng xây dựng lộn xộn.

Kiểm soát phát triển các khu vực làng xóm đô thị hóa. Cải thiện chất lượng nhà ở nông thôn.

Bảng 3: Tổng hợp quy hoạch khu dân cư mới trên địa bàn xã Long Môn

Stt	Khu dân cư mới	Vị trí	Diện tích (ha)
1	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê	Thôn Làng Trê	2,00
2	QH khu dân cư vị trí 1 (KDC Làng Trê 1; KDC Làng Trê 2; KDC Làng Trê 3)	Thôn Làng Trê	6,06
3	QH khu dân cư vị trí 2 (KDC Làng Giữa)	Thôn Làng Giữa	1,00

Stt	Khu dân cư mới	Vị trí	Diện tích (ha)
4	QH khu dân cư vị trí 3 (KDC Làng Ren)	Thôn Làng Ren	1,10
5	QH khu dân cư vị trí 4 (KDC Cà Xen)	Thôn Cà Xen	1,50
	Tổng		11,66

b.2. Quy hoạch chỉnh trang các khu dân cư giữ lại và cải tạo thôn, xóm cũ

Khu dân cư trên địa bàn xã theo quy hoạch như sau:

- Giữ nguyên hiện trạng 04 khu dân cư hiện có ở các thôn, xóm; hạn chế tối đa việc giải tỏa, di dời làm xáo trộn cuộc sống của nhân dân.

- Phát triển dân cư theo hướng mở rộng các điểm dân cư hiện hữu kết nối liên hoàn tại khu vực trung tâm các thôn, xóm; ở những nơi có độ cao phù hợp, hạn chế tác động của thiên tai, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo dân sinh. Di dời các khu dân cư ở vùng thiên tai, vùng khó khăn về quy hoạch mới. Huy động mọi nguồn lực để thực hiện xây dựng các điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch. Cụ thể:

+ Khu dân cư thôn Làng Trê: Diện tích đất khu dân cư năm 2021 khoảng 7,23 ha, chiếm tỷ lệ 0,11% diện tích tự nhiên của xã; với 149 hộ và dân số khoảng 479 người, chiếm khoảng 32,02% dân số xã. Dự báo đến năm 2030 với 161 hộ và dân số khoảng 517 người. Quy hoạch thêm 02 khu dân cư mới là khu dân cư vị trí 1 (KDC Làng Trê 1; KDC Làng Trê 2; KDC Làng Trê 3), diện tích 6,06 ha; bố trí ổn định dân cư vùng BĐKK, diện tích 2,00 ha và quy hoạch thêm các vị trí xen kẽ với tổng diện tích là 2,08 ha.

+ Khu dân cư thôn Làng Giữa: Diện tích đất ở năm 2021 khoảng 2,76 ha, chiếm tỷ lệ 0,04% diện tích tự nhiên của xã; với 84 hộ và dân số khoảng 278 người, chiếm khoảng 18,58% dân số xã. Dự báo đến năm 2030 với 91 hộ và dân số khoảng 300 người. Quy hoạch thêm 01 khu dân cư mới là khu dân cư vị trí 2 (KDC Làng Giữa), diện tích 1,00 ha và quy hoạch thêm các vị trí xen kẽ với tổng diện tích là 4,00 ha.

+ Khu dân cư thôn Làng Ren: Diện tích đất ở năm 2021 khoảng 8,00 ha, chiếm tỷ lệ 0,12% diện tích tự nhiên của xã; với 91 hộ và dân số khoảng 341 người, chiếm khoảng 22,79% dân số xã. Dự báo đến năm 2030 với 98 hộ và dân số khoảng 367 người. Quy hoạch thêm 01 khu dân cư mới là khu dân cư vị trí 3 (KDC Làng Ren), diện tích 1,10 ha và quy hoạch thêm các vị trí xen kẽ với tổng diện tích là 2,66 ha.

+ Khu dân cư thôn Cà Xen: Diện tích đất ở năm 2021 khoảng 6,95 ha, chiếm tỷ lệ 0,10% diện tích tự nhiên của xã; với 107 hộ và dân số khoảng 396 người, chiếm khoảng 26,61% dân số xã. Dự báo đến năm 2030 với 116 hộ và dân số khoảng 430 người. Quy hoạch thêm 01 khu dân cư mới là khu dân cư vị trí 4 (KDC Cà Xen), diện tích 1,50 ha và quy hoạch thêm các vị trí xen kẽ với tổng diện tích 2,25 ha.

5. Định hướng tổ chức không gian xã

a) Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, dịch vụ

a.1. Trung tâm hành chính xã :

- Trung tâm hành chính xã Long Môn: Quy hoạch mở rộng thêm diện tích 3.855 m² trụ sở về phía Tây nâng tổng diện tích trụ sở lên 14.971 m² tại thôn Làng Trê. Nâng cấp san nền, tường rào.

a.2. Công trình quốc phòng, an ninh:

- Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã: Quy hoạch xây dựng mới trụ sở Ban chỉ huy quân sự (nằm về phía Tây Trung tâm hành chính xã) tại thôn Làng Trê với diện tích quy hoạch 3.000 m².

- Trụ sở công an xã: Quy hoạch xây dựng mới trụ sở Công an (nằm về phía Tây trạm y tế xã) tại thôn Làng Trê với diện tích quy hoạch 4.200 m². Xây dựng hoàn chỉnh khuôn viên, tường rào, sân nền, kiến trúc cảnh quan, đảm bảo thuận lợi cho công tác chỉ đạo, điều hành các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn xã.

a.3. Công trình y tế

- Trạm Y tế xã: Trong giai đoạn quy hoạch 2021-2030 giữ nguyên diện tích trạm Y tế xã được xây dựng tại thôn Làng Trê, diện tích đất 2.686 m². Đầu tư trang thiết bị, bố trí đầy đủ các công trình phụ trợ, có vườn thuốc nam theo quy định của Bộ Y tế và Bộ Xây dựng để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

a.4. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Trên địa bàn xã hiện nay không có chợ, người dân giao lưu hàng hóa chủ yếu ở chợ trung tâm huyện và nhiều điểm mua bán nhỏ lẻ nằm rải rác trên địa bàn toàn xã. Giai đoạn đến xã không quy hoạch xây dựng chợ (do dân cư còn thưa thớt, không đảm bảo các tiêu chí về mật độ dân cư, quy mô... theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9211:2012). Trong giai đoạn 2021-2030 tiếp tục phát triển các điểm thương mại dịch vụ; đồng thời quy hoạch thêm khu trung tâm thương mại dịch vụ nhằm phục vụ nhu cầu giao thương hàng hóa của người dân; nhu cầu phát triển kinh tế trên địa bàn xã và quy hoạch thêm trạm xăng dầu để đảm bảo nguồn cung xăng dầu trong khu vực.

a.5 Điểm phục vụ bưu chính

- Bưu điện văn hóa xã: Giữ nguyên diện tích bưu điện cũ, nhà cấp IV, diện tích 498 m² tại thôn Làng Trê. Sửa chữa, nâng cấp bưu điện, chỉnh trang tường rào, cổng ngõ.

a.6. Công trình giáo dục - đào tạo

- Trường mầm non:

+ Giữ nguyên vị trí trường mầm non trung tâm xã Long Môn với diện tích 2.716 m², đầu tư thêm trang thiết bị, cơ sở vật chất, xây dựng thêm phòng học, đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học cho trẻ.

+ Giữ nguyên vị trí 02 điểm trường mẫu giáo tại thôn Làng Ren và thôn Cà Xen với tổng diện tích 671 m².

- Trường tiểu học và trung học cơ sở:

+ Giữ nguyên vị trí trường PTDTBT TH&THCS xã Long Môn với diện tích 6.077 m². Nâng cấp một số phòng học đã xuống cấp, xây thêm phòng học để bố trí cho học sinh bán trú ở lại trường, nhà vệ sinh, chỉnh trang tường rào, cổng ngõ và trồng cây cảnh quan, phục vụ tốt nhu cầu dạy, học và ăn ở cho học sinh bán trú.

+ Giữ nguyên vị trí điểm trường PTDTNT TH&THCS xã Long Môn với diện tích đất là 4.053 m². Cần đầu tư thêm cơ sở vật chất giáo dục phục vụ tốt nhu cầu dạy và học cho học sinh, xây dựng nhà hiệu bộ, phòng học, nâng cấp các công trình phụ trợ đã xuống cấp.

+ Giữ nguyên diện tích điểm trường tiểu học Làng Ren, diện tích 340 m²

a.7. Công trình văn hóa - thể dục thể thao

a.7.1 Nhà văn hoá xã và nhà thi đấu đa năng

a.7.1.1 Nhà văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí nhà văn hoá xã kết hợp hội trường xã nằm trong khuôn viên diện tích đất trụ sở UBND xã tại thôn Làng Trê với diện tích xây dựng khoảng 606 m², nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, trưng bày các hiện vật, thông tin tư liệu về lịch sử, văn hóa; những thành tựu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương qua các thời kỳ.

a.7.1.2 Trung tâm văn hóa - thể thao: Mở rộng diện tích sân vận động xã Long Môn về phía Bắc thêm 3.500 m², nâng tổng diện tích lên 6.800 m² tại thôn Làng Trê. Đầu tư các trang thiết bị thể thao để phục vụ công tác phát triển văn hóa, thể thao và đời sống tinh thần của nhân dân.

Trong giai đoạn 2021-2030, tiếp tục quy hoạch xây dựng mới nhà thi đấu đa năng xã Long Môn (nằm về phía Đông sân vận động xã) với diện tích 4.000 m², nhằm phục vụ cho học sinh trên địa bàn xã và đáp ứng tổ chức các sự kiện thể dục - thể thao.

a.7.2. Nhà văn hoá thôn

Nhà văn hóa thôn: Hiện nay trên địa bàn xã đã có 04 nhà văn hóa của 04 thôn phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho cộng đồng dân cư. Cụ thể về định hướng quy hoạch giai đoạn 2021-2030 như sau:

- Giữ nguyên diện tích nhà văn hóa thôn Làng Trê, diện tích đất 1.107 m², với 100 chỗ ngồi.

- Mở rộng diện tích nhà văn hóa thôn Làng Ren về phía Tây giáp với đường ĐH.62B thêm 150 m², nâng tổng diện tích sử dụng lên 500 m².

- Giữ nguyên vị trí nhà văn hóa thôn Cà Xen, với diện tích 889 m².

- Mở rộng diện tích nhà văn hóa thôn Làng Giữa về phía Bắc nhà văn hóa hiện hữu thêm 766 m² (lấy từ đất trồng cây lâu năm và diện tích điểm mẫu giáo Làng Giữa), nâng tổng diện tích sử dụng lên 1.030 m².

a.7.3. Công trình Thể dục thể thao thôn

- Sân luyện tập thể dục thể thao thôn: Hiện chỉ có thôn Làng Giữa là có sân bóng đá thôn với diện tích 479 m² (chưa đảm bảo diện tích theo quy định). Còn lại 03/04 thôn chưa có sân luyện tập thể dục thể thao nên giai đoạn

2021-2030: Đầu tư xây dựng sân thể dục thể thao tại các thôn, xóm phục vụ nhu cầu thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe nhân dân. Cụ thể như sau:

- Mở rộng diện tích sân thể thao thôn Làng Giữa về phía Bắc sân hiện hữu thêm 5.000 m², nâng tổng diện tích đất lên 5.479 m².

- Quy hoạch xây dựng mới sân bóng đá tại xóm Bãi Vệt, thôn Cà Xen với diện tích 5.000 m².

- Quy hoạch xây dựng mới sân bóng đá mini Cà Xen với diện tích 1.400 m².

- Quy hoạch xây dựng mới sân thể thao thôn Làng Ren với diện tích 1.000 m².

a.7.4. Khu vui chơi, giải trí công cộng

Gìn giữ và khôi phục cảnh quan của địa phương, vận động người dân trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt tại quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Để đáp ứng chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn xã trong giai đoạn đến, quy hoạch các điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

Trong quá trình quy hoạch, xây dựng các công trình công cộng dành một phần đất nhất định trong khuôn viên và xung quanh công trình để trồng các loại cây xanh (cây gỗ bản địa) tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

Hiện tại trên địa bàn xã có khu công viên trung tâm với diện tích 2.062 m².

a.7.5. Công trình di tích lịch sử văn hóa

- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương, nghiên cứu mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ cho phát triển du lịch nông thôn trong giai đoạn đến.

- Di tích lịch sử, văn hóa: Giai đoạn 2021-2030:

- + Quy hoạch di tích Khu căn cứ cách mạng núi Mùm tại thôn Làng Ren với diện tích 5.000 m².

- + Quy hoạch điểm thành lập đơn vị 299 và xây dựng bia di tích địa điểm thành lập đơn vị 299 với tổng diện tích 7.000 m² tại thôn Làng Ren.

Bảo vệ, khai thác giá trị cảnh quan tại Đèo Long Môn trở thành địa điểm checking, du lịch của địa phương.

Trên địa bàn xã không có công trình tín ngưỡng, tôn giáo. Tiếp tục phát triển loại hình nghệ thuật dân gian của địa phương để phục vụ nhu cầu tham quan du lịch và tín ngưỡng của nhân dân.

b) Định hướng tổ chức kết hợp các khu chức năng trên địa bàn xã

b.1 Định hướng không gian vùng sản xuất vật liệu xây dựng, gồm sứ

Quy hoạch khai thác Mỏ đất núi Nặng tại thôn Làng Giữa với diện tích 5,00 ha, nhằm khai thác nguyên liệu làm vật liệu xây dựng.

- Công tác bảo vệ mỏ và thoát mỏ nước:

+ Phải có đủ các đai bảo vệ trên bờ, nhằm ngăn chặn hiện tượng trôi trượt đất từ các tầng xuống tầng dưới làm sạt lở bờ mỏ.

+ Hoàn thiện hệ thống thoát nước xung quanh mỏ nhằm mục đích ngăn chặn sự bào mòn, xói lở của các dòng nước mặt làm phá vỡ bờ mỏ.

b.2. Định hướng không gian phát triển thương mại, dịch vụ

- Quy hoạch cửa hàng thương mại dịch vụ với diện tích 992 m² vị trí phía Nam trường PTDTBT TH&THCS hiện hữu, định hướng kêu gọi đầu tư phát triển nhiều loại hình dịch vụ phong phú.

- Ngoài ra, đề tận dụng thế mạnh về hệ thống cảnh quan, khí hậu, phát triển hiệu quả chương trình phát triển du lịch nông thôn gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào người Hre, gắn với hệ thống công trình thủy điện trên địa bàn xã. Quy hoạch 4 vị trí thương mại dịch vụ trên địa bàn xã với tổng diện tích 14,30 ha và khu du lịch cộng đồng Làng Ren với diện tích 6,0 ha. Cụ thể:

+ Quy hoạch thương mại dịch vụ (Vị trí 1) với diện tích 2,10 ha nhằm thu hút, kêu gọi đầu tư điểm du lịch đèo Eo Chim.

+ Quy hoạch thương mại dịch vụ (Vị trí 2) với diện tích 2,30 ha nhằm thu hút, kêu gọi đầu tư điểm du lịch sinh thái Làng Giữa.

+ Quy hoạch thương mại dịch vụ (Vị trí 3) với diện tích 6,30 ha nhằm thu hút, kêu gọi đầu tư điểm du lịch sinh thái suối Tam Đình.

+ Quy hoạch thương mại dịch vụ (Vị trí 4) với diện tích 3,60 ha nhằm thu hút, kêu gọi đầu tư điểm tham quan Ru Va Xen, nhằm khai thác hệ thống cảnh quan để phát triển các loại hình dịch vụ vui chơi giải trí, ẩm thực để thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển trong giai đoạn đến.

- Ngoài ra, quy hoạch 02 công trình thủy điện là thủy điện Long Sơn (dự kiến vùng lòng hồ nằm trên địa phận xã) với công suất lắp đặt 10,6MW và thủy điện Sơn Linh (dự kiến vị trí cụm đầu mối nằm trên địa phận xã) với công suất lắp đặt là 9MW, tận dụng tiềm năng về sông suối chằng chịt, dòng chảy lớn để phát triển công nghiệp - điện năng, hệ thống thủy điện vừa và nhỏ đảm bảo điện cho địa phương cũng như hòa lưới điện quốc gia.

b.3. Định hướng không gian vùng sản xuất nông nghiệp

b.3.1 Quy hoạch vùng trồng lúa:

Do địa hình và địa chất của xã Long Môn, diện tích có khả năng trồng lúa của xã có rất ít. Diện tích lúa hiện trạng năm 2021 là 96,87 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 92,10 ha (giảm so với năm 2021 là 4,77 ha).

Vùng sản xuất lúa chủ yếu tập trung tại các xứ đồng: Làng Giữa, Làng Trê, Làng Ngọn Nước, Ruộng Cua.

Tiếp tục tới ổn định diện tích sản xuất lúa gieo trồng hàng năm để đảm bảo đủ cung cấp lương thực cho nhân dân trong địa bàn xã. Từng bước hình

thành tổ hợp tác lúa giống, duy trì ổn định diện tích cây lúa canh tác trên toàn xã, diện tích trồng lúa thơm, lúa chất lượng cao đạt 100% diện tích gieo trồng, khuyến khích nông dân sản xuất giống lúa mới có năng suất và chất lượng cao.

b.3.2 Vùng trồng cây hàng năm khác

Diện tích trồng cây hàng năm khác trên địa bàn xã ít, do địa hình núi cao, không phù hợp. Diện tích hiện trạng năm 2021 là 61,83 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 59,34 ha (giảm so với năm 2021 là 2,49 ha). Chú trọng gieo trồng các loại giống có năng suất và chất lượng cao. Chuyển đổi diện tích trồng lúa một vụ năng suất thấp sang trồng ngô, mì...

- Cây Mì (Sắn): Hình thành vùng trồng mì tập trung, tăng cường công tác khuyến nông cho nông dân để có chế độ canh tác, quy trình thâm canh cây mì hợp lý và bền vững, tránh phát triển ồ ạt và tự phát ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và làm thoái hóa, xói mòn đất; vùng trồng mì phân bố tại các vùng đồi trong xã. Do đó, cần phải có phương hướng bảo vệ và khôi phục sự màu mỡ cho đất trồng mì.

- Vùng sản xuất rau đậu các loại: Tập trung chủ yếu ở các bãi bồi ven suối có điều kiện đất canh tác phù hợp. Thử nghiệm trồng một số loại rau rừng phù hợp với khí hậu địa phương, mang lại giá trị kinh tế cho người dân.

Trong giai đoạn cần hướng dẫn người dân dần thay đổi phương thức sản xuất truyền thống sang tập trung sản xuất rau theo quy trình an toàn thực phẩm, sản xuất theo hướng hướng hữu cơ đạt tiêu chuẩn VietGap.

b.3.3 Vùng trồng cây lâu năm:

Diện tích hiện trạng năm 2021 là 1.002,28 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 921,89 ha (giảm so với năm 2021 là 80,39 ha).

- Trồng cây ăn quả: quy hoạch khu trồng thí điểm các cây ăn quả với diện tích 6,5 ha tại thôn Làng Trê theo hướng sạch, hữu cơ có kết hợp phát triển du lịch. Các loại cây đề xuất (Bưởi da xanh, quýt đường, mít thái, chuối tiêu...). Kết hợp khai thác phát triển loại hình du lịch tham quan các vườn cây ăn quả.

- Vùng cây lâu năm: Phát triển một số loại cây gỗ bản địa, cây gỗ có giá trị kinh tế cao: hương, lim... Các khu vực dọc theo các suối (khu vực cách lòng suối 50m, trồng các loại cây sinh thủy (lò ô, tre sinh khối, trồng tre lấy măng, các loại cây gỗ lớn) để bảo vệ nguồn sinh thủy phục vụ tưới tiêu sản xuất, phòng chống sạt lở đất.

- Cây chè: tiến hành chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng cải tạo, phục hồi và trồng dặm, trồng mới những vườn chè cũ đang bị cây keo, cây mỳ xen lẫn. Thu mua và cung cấp giống chè cho nông dân. Trong giai đoạn 2021 - 2030, đẩy mạnh chuyển giao kỹ thuật canh tác chè búp cho nhân dân. Đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu “chè xanh Minh Long” trên địa bàn tỉnh, thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm chè ở hệ thống siêu thị, chợ đầu mối... Quy hoạch vùng trồng chè, diện tích 2,56 ha (chuyển từ đất rừng sản xuất) nhằm phát triển cây chè địa phương theo quy mô tập trung.

c) Vùng trồng cây lâm nghiệp:

- Rừng Phòng Hộ: Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ hiện có. Diện tích đất rừng phòng hộ năm 2021 là 3.961,48 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 3.946,86 ha (giảm so với năm 2021 là 14,62 ha). Trồng rừng và bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn.

- Rừng Sản xuất: Diện tích đất rừng sản xuất năm 2021 là 1.689,78 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 1.626,10 ha (giảm so với năm 2021 là 63,68 ha). Xây dựng vùng sản xuất tập trung, nâng cao giá trị gia tăng cây lâm nghiệp theo hướng chuyển hóa rừng keo hiện nay sang rừng cây gỗ lớn tiến đến cấp chứng chỉ rừng gỗ lớn (tiêu chuẩn FSC). Nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng theo hướng phát triển lâm nghiệp đa chức năng, chuyển đổi cơ cấu sản phẩm từ khai thác gỗ non sản xuất dăm gỗ sang khai thác gỗ lớn nhằm tạo vùng nguyên liệu tập trung, cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến đồ gỗ xuất khẩu.

Giai đoạn 2021-2030: Ngành Kiểm lâm phối hợp chặt chẽ với địa phương và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện các dự án, mô hình trồng cây nước dưới tán rừng; mở rộng diện tích trồng cây nước cũng như trồng các loại cây dược liệu để khai thác hiệu quả kinh tế rừng một cách bền vững. Đây thực sự là hướng đi phù hợp nhằm góp phần phát triển kinh tế đồi rừng, nâng cao thu nhập cho người nông dân từ nghề rừng, tạo điều kiện cho người dân gắn bó với rừng.

d. Chăn nuôi:

Chăn nuôi là ngành có thế mạnh của sản xuất nông nghiệp và còn có tiềm năng tăng trưởng lớn hơn trồng trọt. Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn xã chưa phát triển hình thức chăn nuôi công nghiệp tập trung mà chủ yếu chỉ là phát triển chăn nuôi hộ gia đình.

Giai đoạn 2021-2030 quy hoạch các trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ phân bố rải rác tại các thôn theo tập quán truyền thống, để đảm bảo thu nhập, đời sống nhân dân với tổng diện tích 3,00 ha. Các đối tượng nuôi chủ lực là trâu, bò, lợn, dê núi và gia cầm...

d.1 Chăn nuôi gà: Duy trì tổng đàn ổn định 3-4 nghìn con; vùng chăn nuôi phân bố toàn xã, ưu tiên phát triển các mô hình trang trại chăn nuôi tập trung. Tổ chức sản xuất theo hướng quản lý chặt chẽ an toàn dịch bệnh, áp dụng quy trình chăn nuôi theo VietGAP, đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp, HTX đầu tư xây dựng thương hiệu gà Hre.

d.2 Chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò): Trâu được xác định là một trong những vật nuôi chủ lực của xã. Ngoài ra đàn bò cũng là vật nuôi tiềm năng, định hướng trong các giai đoạn đến phát triển đàn trâu, bò theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung.

d.3 Chăn nuôi lợn: Duy trì tổng đàn ổn định 400-500 trăm con; Khuyến khích phát triển các loại hình nuôi tập trung theo dạng trang trại quy mô vừa. Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh các biện pháp xử lý chất thải cho các trang trại,

hộ chăn nuôi kết hợp ứng dụng các chế phẩm sinh học để xử lý môi trường; ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất.

d.4 Chăn nuôi dê: Tận dụng diện tích đồi núi của xã, khuyến khích người dân phát triển đàn dê. Giống gồm 2 giống chính là dê lai Bách Thảo và dê lai Boer, đây là các giống dê hướng thịt, ổn định để nhân giống và phát triển sản xuất.

e. Vùng nuôi trồng thủy sản:

Đối với xã Long Môn không có lợi thế về nuôi thủy sản quy mô lớn. Tuy nhiên, khi các thủy điện Sơn Linh, thủy điện Long Sơn tại xã Long Môn hình thành thì hệ thống cảnh quan tại các lòng hồ thủy điện cũng là một lợi thế để phát triển nuôi thủy sản

6. Quy hoạch sử dụng đất:

Trên cơ sở Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Minh Long, tuy nhiên có 1 số chỉ tiêu sử dụng đất xã Long Môn cập nhật theo quy hoạch chung của xã nên thay đổi so với các chỉ tiêu được duyệt, thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Stt	Hạng mục sử dụng đất	Hiện trạng năm 2021		Quy hoạch đến năm 2025		Quy hoạch đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	6.812,75	98,06	6.741,92	97,04	6.656,28	95,81
1.1	Đất trồng lúa (gồm đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng lúa nước còn lại)	96,87	1,39	94,63	1,36	92,10	1,33
1.2	Đất trồng trọt khác	1.064,11	15,32	1.026,39	14,77	981,23	14,12
1.3	Đất rừng sản xuất	1.689,78	24,32	1.666,30	23,98	1.626,10	23,41
1.4	Đất rừng phòng hộ	3.961,48	57,02	3.954,09	56,91	3.946,86	56,81
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	0,50	0,01	0,50	0,01	0,48	0,01
1.6	Đất nông nghiệp khác					9,50	0,14
2	Đất xây dựng	52,72	0,76	137,36	1,98	224,29	3,23
2.1	Đất ở tại nông thôn	11,68	0,17	17,71	0,25	31,04	0,45
2.2	Đất công cộng	3,46	0,05	3,67	0,05	3,67	0,05
-	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,11	0,02	1,50	0,02	1,50	0,02
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,36	0,01	0,27		0,27	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	1,73	0,02	1,59	0,02	1,59	0,02
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,17		0,26		0,26	
-	Đất chợ						

Stt	Hạng mục sử dụng đất	Hiện trạng năm 2021		Quy hoạch đến năm 2025		Quy hoạch đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
-	Điểm bưu điện – văn hóa xã	0,05		0,05		0,05	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,04		0,04		0,04	
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,05		2,41	0,03	2,41	0,03
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	0,05		2,20	0,03	2,20	0,03
-	Đất vui chơi, giải trí công cộng			0,21		0,21	
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đền đình			5,70	0,08	5,70	0,08
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa			5,70	0,08	5,70	0,08
-	Đất danh lam thắng cảnh						
-	Đất cơ sở tôn giáo						
-	Đất cơ sở tín ngưỡng						
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề						
-	Đất cụm công nghiệp						
-	Đất khu công nghiệp						
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp						
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng			5,00	0,07	5,00	0,07
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản						
-	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm			5,00	0,07	5,00	0,07
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,02		0,12		14,42	0,21
-	Đất xây dựng các công trình sự nghiệp khác	0,02		0,02		0,02	
-	Đất thương mại, dịch vụ và đất xây dựng các khu chức năng			0,10		14,40	0,21
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	37,06	0,53	100,00	1,44	139,34	2,01
-	Đất giao thông	29,46	0,42	38,81	0,56	76,36	1,10
-	Đất xử lý chất thải rắn					2,00	0,03
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	7,58	0,11	11,69	0,17	11,48	0,17
-	Đất năng lượng	0,02		49,50	0,71	49,50	0,71

Stt	Hạng mục sử dụng đất	Hiện trạng năm 2021		Quy hoạch đến năm 2025		Quy hoạch đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	0,45	0,01	2,03	0,03	1,99	0,03
-	Đất thủy lợi	0,45	0,01	2,03	0,03	1,99	0,03
-	Đất phi nông nghiệp khác						
2.10	Đất quốc phòng, an ninh			0,72	0,01	20,72	0,30
-	Đất quốc phòng			0,30	0,00	20,30	0,29
-	Đất an ninh			0,42	0,01	0,42	0,01
3	Đất khác	82,04	1,18	68,19	0,98	66,90	0,96
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	81,24	1,17	67,40	0,97	66,36	0,96
3.2	Đất chưa sử dụng	0,8	0,01	0,79	0,01	0,54	0,01
TỔNG DIỆN TÍCH		6.947,51	100	6.947,51	100,00	6.947,51	100,00

7. Quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch hệ thống Giao thông

a.1 Định hướng:

Tận dụng tối đa hệ thống giao thông hiện có để cải tạo nâng cấp, mở rộng phục vụ nhu cầu giao thông thông suốt các tháng trong năm. Hạn chế tối đa việc phá dỡ công trình giao thông hiện có, đồng thời tránh tác động ảnh hưởng đến các công trình công cộng, công trình văn hóa,...

Hệ thống giao thông đảm bảo đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất của nhân dân; Sự liên hệ của các khu chức năng, các địa bàn lân cận trong hiện tại và tương lai. Bố trí hợp lý các trục dọc và ngang trên địa bàn xã, kết nối đồng bộ với giao thông đối ngoại, đảm bảo giao thông thuận lợi trong mối quan hệ phát triển kinh tế xã hội liên vùng trong khu vực.

a.1.2 Hệ thống giao thông:

a.1.2.1 Hệ thống đường theo quy hoạch vùng huyện

- ĐT.628 (Quốc lộ 1A - Sơn Kỳ): Tuyến đi qua địa phận các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long với tổng chiều dài 63,6km. Định hướng quy hoạch tuyến lên đường cấp III-IV miền núi (theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện). Quy mô mặt cắt (mặt cắt 1-1) như sau:

- + Bề rộng nền đường: $B_n = 33,5 \text{ m}$;
- + Bề rộng mặt đường: $B_m = 21,5 \text{ m}$;
- + Bề rộng lề đường: $B_l = 2 \times 6,0 \text{ m} = 12,0 \text{ m}$.

- Đường huyện 62B (Long Môn - Làng Ren): Định hướng quy hoạch tuyến lên đường cấp IV miền núi. Quy mô mặt cắt như sau bề rộng mặt đường

$B_m = 5,5\text{m}$, bề rộng nền đường $B_n = 7,5\text{ m}$ (theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện). Quy mô mặt cắt (mặt cắt 2-2) như sau:

- + Bề rộng nền đường: $B_n = 20,0\text{ m}$;
- + Bề rộng mặt đường: $B_m = 12,0\text{m}$;
- + Bề rộng lề đường: $B_l = 2 \times 4,0\text{m} = 8,0\text{m}$.

- Đường Làng Ren – Ba Điền: Điểm đầu tuyến tại tập đoàn 11, thôn Làng Ren; định hướng kéo dài tuyến đi Ba Điền, huyện Ba Tơ. Chiều dài tuyến qua địa bàn xã Long Môn là $2,00\text{km}$. Định hướng quy hoạch tuyến lên đường IV miền núi. Quy mô mặt cắt (mặt cắt 3-3) như sau:

- + Bề rộng nền đường: $B_n = 20,0\text{ m}$;
- + Bề rộng mặt đường: $B_m = 12,0\text{m}$;
- + Bề rộng lề đường: $B_l = 2 \times 4,0\text{m} = 8,0\text{m}$.

- Đường Làng Ren – Sơn Ba: Điểm đầu tuyến tại tập đoàn 5, thôn Làng Ren; định hướng kéo dài tuyến đi Sơn Ba, huyện Sơn Hà. Chiều dài tuyến qua địa bàn xã Long Môn là $2,75\text{km}$. Định hướng quy hoạch tuyến lên đường IV miền núi. Quy mô mặt cắt (mặt cắt 4-4) như sau:

- + Bề rộng nền đường: $B_n = 9,0\text{ m}$;
- + Bề rộng mặt đường: $B_m = 7,0\text{m}$;
- + Bề rộng lề đường: $B_l = 2 \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}$.

a.1.2.2 Hệ thống đường trục xã, liên xã: Phát triển hệ thống đường xã trên cơ sở đường hiện có, mở rộng để đảm bảo kết cấu giao thông thông suốt giữa trung tâm xã với các thôn trong xã và hệ thống giao thông đối ngoại. Quy hoạch mở mới 02 tuyến, nâng tổng chiều dài đoạn qua xã khoảng $7,95\text{ km}$ với 03 tuyến. Định hướng kiên cố hóa 100% hệ thống đường xã, quy mô đường đạt cấp V-VI miền núi (TCVN 4054:2005) hoặc cấp A (TCVN 10380:2014).

a.1.2.3 Hệ thống đường thôn và đường liên thôn: Cơ bản giữ nguyên các tuyến đường trục thôn, liên thôn hiện có, với tổng 01 tuyến và chiều dài $1,57\text{km}$. Trong giai đoạn 2021-2030 cần nâng cấp mở rộng và cứng hóa mặt đường với kết cấu phù hợp, tổ chức thêm các tuyến trong khu dân cư tập trung mới. Định hướng quy hoạch đạt đường cấp A, cấp B (TCVN 10380:2014).

a.1.2.4. Hệ thống đường ngõ, xóm: Cơ bản giữ nguyên 17 tuyến đường ngõ xóm hiện hữu với chiều dài $17,63\text{ km}$. Điều chỉnh, mở rộng, cứng hóa mặt đường với kết cấu phù hợp, nâng cấp bê tông 1 số tuyến đã xuống cấp và mở rộng bê tông 1 số tuyến đường với chiều rộng nền đường chưa đạt cấp C. Định hướng quy hoạch đạt đường cấp B, C (TCVN 10380:2014).

a.1.2.5 Hệ thống đường trục chính nội đồng: Đáp ứng yêu cầu từ phục vụ cho cơ giới hóa nông nghiệp, sử dụng các phương tiện giao thông cơ giới nhẹ hoặc phương tiện giao thông thô sơ. Mở rộng và cứng hóa các tuyến nội đồng qua các khu vực sản xuất, trên cơ sở các đường hiện trạng. Định hướng quy hoạch đường trục chính nội đồng có chiều rộng nền đường tối thiểu $3,5\text{ m}$

và có chỗ tránh xe, đảm bảo xe cơ giới đi lại, cách khoảng 100 m có điểm dừng tránh xe. Các đường bờ vùng có mặt rộng 2,0-2,5m, thuận lợi cho xe cơ giới nhỏ tiện đi lại vận chuyển vật tư. Cơ bản giữ nguyên 05 tuyến đường nội đồng hiện hữu với chiều dài 5,90 km.

b) Quy hoạch hệ thống thủy lợi, đề điều:

b.1 Hệ thống kênh mương:

- Định hướng củng cố, nâng cấp và kiên cố hoá hệ thống kênh mương nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu tưới tiêu còn lại trên địa bàn, tỷ lệ kiên cố hóa đạt 100% kênh nội đồng. Kiên cố hóa kênh mương kết hợp hệ thống kênh mương với xây dựng đường nội đồng đồng bộ phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển được thuận lợi.

b.2 Hệ thống đập:

- Đập: Gia cố, nâng cấp các đập dâng đã xuống cấp kết hợp các mương tưới tiêu; thường xuyên theo dõi, kiểm tra chất lượng kết cấu thân đập, đảm bảo an toàn cho sản xuất và dân cư trong vùng. Ranh giới quy hoạch xây dựng các công trình thủy lợi phải phù hợp quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (Điều 40 Luật Thủy Lợi, Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi).

b.3 Kè: Với đặc điểm điều kiện tự nhiên miền núi cao như xã Long Môn, cần phải có biện pháp gia cố bờ sông, suối tại những vị trí xung yếu có nguy cơ sạt lở cao. Trong giai đoạn từ 2021-2025, đầu tư xây dựng kè chống sạt lở khu dân cư Trung tâm xã Long Môn.

c) Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Xây dựng hệ thống cấp điện theo yêu cầu an toàn của ngành điện, đảm bảo 100% được cấp điện thường xuyên và an toàn từ lưới điện quốc gia.

- Lưới chiếu sáng:

+ Các đường trong xã, thôn cần có hệ thống chiếu sáng để nâng cao mức sinh hoạt và điều kiện an ninh của người dân;

+ Tuyến đèn đường đi chung với tuyến hạ thế. Đèn đường dùng loại đèn LED hoặc các loại bóng tiết kiệm năng lượng, công suất từ 70W đến 150W, được đặt cao cách mặt đường 7m được bố trí ở các khu trung tâm xã.

- Nguồn điện: Nguồn cấp điện sử dụng cho sinh hoạt và sản xuất được lấy từ lưới điện Quốc Gia 22KV xuất tuyến XT871 qua trạm biến áp trung gian 110KV Tư Nghĩa E16.3.

- Các trạm biến áp là loại ngoài trời (trạm treo hoặc trạm giàn). Vị trí trạm hạ áp đặt thuận tiện cho việc đặt đường dây, ít cắt đường giao thông, không gây trở ngại, nguy hiểm cho sản xuất, sinh hoạt. Nhu cầu dùng điện trong xã khoảng 274 KVA, bố trí thêm các trạm hạ áp để đảm bảo nhu cầu sử dụng điện của xã. Nâng cấp các trạm hiện tại và bổ sung các trạm biến áp mới ở các điểm dân cư mới, rút ngắn khoảng cách phục vụ các trạm trong bán kính phục vụ khoảng 500m nhằm tiết kiệm điện năng và an toàn trong quá

trình truyền dẫn điện; Trạm điện hạ áp và lưới điện trung, cao, hạ áp trong khu vực dân cư phải đảm bảo hành lang và khoảng cách ly bảo vệ.

- Từng bước cải tạo hệ thống điện lưới không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, không đảm bảo an toàn cho người dân sử dụng cụ thể là thay thế các trụ điện gỗ hoặc nhôm bằng các trụ điện bê tông, vận động người dân kéo điện từ nguồn, rà soát và cải tạo những điểm có tán cây mọc xen lưới điện và khoảng cách hành lang an toàn bị xâm lấn.

d) Quy hoạch hệ thống cấp nước

d.1 Nguồn nước:

Tại khu vực trung tâm xã: Khoan thăm dò, chọn nguồn nước ngầm có độ sâu đảm bảo trữ lượng và chất lượng cung cấp cho sinh hoạt.

d.1.1 Công trình đầu mối:

- Khu vực trung tâm xã: Giai đoạn 2021-2025: Định hướng xây mới công trình cấp nước tập trung xã Long Môn với công suất 200 m³/ngày với số người hưởng lợi 1.200 người nguồn nước được lấy từ suối Cà Eo. Xây dựng mới hệ thống đường ống dọc theo các trục đường giao thông đến các hộ dân để cấp nước cho dân cư trên địa bàn.

- Hỗ trợ các thiết bị, công nghệ xử lý nước nhỏ lẻ hộ gia đình để cấp nước cho người dân ở những khu vực riêng lẻ, độc lập tại các vùng khó khăn về nguồn nước để người dân được sử dụng nước sạch.

d.1.2 Cấp nước chữa cháy:

Trên địa bàn xã chưa có hệ thống cấp nước phòng cháy và chữa cháy thì tận dụng các nguồn nước tại chỗ, sẵn có của các kênh, ao hồ, sông, suối để... Chữa cháy bằng các dụng cụ sẵn có như: xô, chậu, gàu, máy bơm nước...

e) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

e.1 Thoát nước thải

Đối với các khu vực dân cư cũ: Xây dựng hệ thống thoát nước chung, nước thải của khu dân cư, các công trình công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của từng công trình rồi được dẫn qua hệ thống cống, rãnh dọc theo các trục đường chính rồi đổ ra sông.

Khu vực trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn: Sẽ được thu gom ở cuối các đường ống trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Xây dựng hệ thống mương dọc theo các tuyến đường giao thông và hướng thoát nước đối với các khu dân cư hiện hữu tập trung đông dân cư sinh sống.

Các khu dân cư tập trung, điểm dân cư xây dựng mới... Nước thải sẽ được thu gom riêng biệt và đưa về bể xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Các khu vực điểm dân cư nông thôn hiện trạng rải rác, cho phép sử dụng hệ thống thoát nước sinh hoạt chung. Nước thải sinh hoạt của người dân phải được xử lý cục bộ qua bể tự hoại 3 ngăn trong hộ gia đình trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

Đối với các khu vực xây dựng mới, mở rộng hoặc chưa có hệ thống thoát nước sẽ xây dựng hệ thống cống thoát nước hai bên các trục đường rồi dẫn thoát ra hệ thống kênh mương khu vực. Đối với các khu dân cư tập trung quy hoạch mới, xây dựng hệ thống thoát nước riêng, nước thải sau khi được xử lý tại bể, khu xử lý chung, sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước mặt và dẫn thoát ra kênh mương khu vực.

e.2 Chất thải rắn:

- Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt các khu dân cư tập trung: tổ chức thu gom trên các trục đường giao thông, lắp đặt các thùng thu gom CTR trên các tuyến đường, các thùng thu gom CTR có nắp đậy để bảo đảm vệ sinh môi trường;

- Đối với các khu dân cư phân tán tại các thôn tổ chức thu gom bằng các thùng rác công cộng, mỗi thôn 1 điểm tập trung CTR có khoảng cách ly vệ sinh $\geq 20m$;

- CTR y tế sẽ được thu gom và xử lý riêng bằng lò đốt đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

- Do địa hình vùng núi cao, dân cư phân bố phân tán, phương tiện đi lại còn khó khăn, không thể thu gom và xử lý tập trung tại bãi xử lý rác thải của huyện. Do đó, trong giai đoạn 2021-2030, quy hoạch bãi chôn lấp và xử lý rác thải với diện tích 2,0 ha, vị trí thôn Làng Giữa. Khi đi vào vận hành rác thải từ các điểm tập kết rác ở các khu dân cư sẽ được tập trung vận chuyển về bãi rác này để xử lý, đảm bảo vệ sinh môi trường.

e.3 Nghĩa trang

- Giữ nguyên diện tích nhà bia tưởng niệm liệt sỹ hiện có tại thôn Làng Trê, diện tích đất là 396 m², quy hoạch chỉnh trang và trồng thêm cây xanh cảnh quan.

- Nghĩa trang nhân dân: Trên cơ sở các nghĩa trang hiện có:

- + Mở rộng nghĩa trang nhân dân Làng Giữa thêm 0,11 ha, nâng tổng diện tích đất lên 0,35 ha.

- + Mở rộng nghĩa trang nhân dân Cà Xen thêm 1,00 ha, nâng tổng diện tích đất lên 1,98 ha.

- + Mở rộng nghĩa trang nhân dân Làng Ren thêm 1,00 ha, nâng tổng diện tích đất lên 3,80 ha.

f) Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

Phân chia lưu vực theo dạng phân tán nhằm thoát nhanh và giảm thiểu kích thước mương, cống. Toàn bộ khu vực nghiên cứu quy hoạch được phân thành 2 lưu vực chính gồm:

- + Lưu vực 1 – Lưu vực Trung tâm xã: thôn Làng Trê, thôn Làng Giữa nước mưa thoát ra suối Cà Eo, suối Tầm Linh.

- + Lưu vực 2 – các khu vực còn lại: chủ yếu thoát nước theo địa hình tự nhiên, hướng thoát nước chính ra nhánh suối Nước Lát.

g) San nền

Các khu vực dự kiến xây dựng mới chủ yếu nằm trên các khu đất xây dựng thuận lợi, do vậy giải pháp chính về san nền là san gạt tại chỗ để tạo mặt bằng xây dựng.

Đối với các khu dân cư hiện trạng có mặt độ xây dựng đã tương đối ổn định, khi xen ghép xây dựng bổ sung thêm công trình hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cũ cần không chế cao độ nền trên cơ sở không phá vỡ hoặc ảnh hưởng xấu tới công trình liền kề, đảm bảo phối hợp hài hoà với khu vực xung quanh và không ảnh hưởng bất lợi tới các hướng tuyến thoát nước chung của khu vực;

Đối với khu trung tâm: Giữ nguyên địa hình tự nhiên, chỉ san lấp cục bộ đắp nền các khu vực dự kiến xây dựng khu dân cư mới, công trình công cộng, cao độ san nền kết nối tương đương với các công trình hiện trạng.

Đối với các khu dân cư nằm ven theo các trục đường hiện có. Nền xây dựng được tổ chức san lấp cục bộ, cao độ không chế nền hoàn thiện công trình lấy cao hơn cốt nền đường tại khu vực từ: 0,3 - 0,5m. Khi xây dựng hoặc sửa chữa lại nhà ở cần tôn nền cục bộ đến cao độ nền tối thiểu 0,5 mét so với cao độ đường giao thông; tổ chức hướng dốc nền về phía đường giao thông có hệ thống thoát nước, độ dốc nền $\geq 0,004$.

Đối với các khu vực ven sông suối cần đắp đất tôn nền theo cao độ không chế, đảm bảo khu vực quy hoạch không bị ngập lụt. Khu vực ven sông là đất sản xuất nông nghiệp, thường hay bị ảnh hưởng lũ lụt vào mùa mưa, theo số liệu Thủy văn về điều tra đỉnh lũ khu vực, với tần suất 5%, thì khu vực này bị ngập từ 0,50-2,30m.

Quy hoạch, thiết kế đảm bảo tần suất lũ tính toán 10%, cao độ nền xây dựng không chế $H_{xd} \geq 61,30m$. Đối với các khu vực xây dựng hiện hữu, san lấp cục bộ kết hợp xây dựng kè chắn; tại khu vực xây dựng mới đảm bảo cốt xây dựng lớn hơn cốt không chế. Tránh đào đắp lớn gây ảnh hưởng đến hiện trạng thoát nước các khu vực xung quanh.

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

a) Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã và kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn:

- Ưu tiên thu hút kêu gọi đầu tư trên địa bàn xã Long Môn, đặc biệt về lĩnh vực thương mại - dịch vụ, du lịch và lĩnh vực nông lâm nghiệp áp dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao.

- Ưu tiên đầu tư để thực hiện các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng hợp tác xã, nhà thi đấu đa năng, trường học, cửa hàng dịch vụ trung tâm, trạm cung cấp xăng dầu.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất như kiên cố các kênh mương nội đồng.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống giao thông như: Đầu tư nâng cấp các tuyến giao thông trên địa bàn xã Long Môn nhất là các tuyến đường trục xã và đường trục thôn đã bị xuống cấp.

b) Dự kiến nhu cầu vốn và các nguồn lực thực hiện:

b.1) Nhu cầu vốn đầu tư được xác định cụ thể theo kế hoạch đầu tư công trung hạn trên địa bàn huyện Minh Long, nhu cầu đầu tư phục vụ sản xuất xã Long Môn và ước nhu cầu đầu tư hoàn thành theo định hướng quy hoạch chung xã về giao thông, hệ thống cấp thoát nước, chiếu sáng, dân cư, cây xanh, khu vui chơi, trường học... với tổng kinh phí giai đoạn 2021 -2025 là 12,008 tỷ đồng (số liệu chi tiết trong Đồ án quy hoạch).

b.2) Nguồn lực thực hiện:

- Đối với đầu tư xây dựng hệ thống giao thông và thủy lợi, cụ thể:
- + Đối với các tuyến đường xã, đường thôn và hệ thống kênh cấp III, đầu tư nguồn lực từ ngân sách nhà nước là chính;
- + Đối với hệ thống giao thông ngõ xóm, nội đồng và hệ thống kênh mương phục vụ nhu cầu sản xuất trên địa bàn xã kêu gọi đầu tư nguồn lực từ ngân sách trung ương, tỉnh, huyện, xã và lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia và ngân sách thụ hưởng của xã;
- Đối với các công trình hạ tầng dịch vụ công cộng như giáo dục, y tế, nhà văn hóa, thể dục thể thao, cấp điện, cấp nước... đầu tư nguồn lực từ ngân sách nhà nước;
- Đối với các hạng mục đầu tư như các khu dân cư mới, điểm du lịch ... kêu gọi nguồn đầu tư từ các tổ chức doanh nghiệp là chính.
- Đối với hệ thống cấp nước kêu gọi các nguồn đầu tư có thu phí từ doanh nghiệp hoặc đầu tư từ ngân sách.
- Đối với các dải cây xanh thuộc hành lang đường giao thông và các công trình cầu ... cần huy động đóng góp từ các cá nhân và tổ chức trên địa bàn xã.
- Huy động mọi nguồn lực đầu tư bằng nhiều hình thức, sử dụng vốn ngân sách cho các chương trình, dự án cấp thiết phục vụ nhu cầu của cộng đồng dân cư...

9. Tiến độ thực hiện

- Giai đoạn 2021-2025: Hoàn thiện hệ thống thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường và các hạng mục đầu tư như đã đề xuất. Phát triển sản xuất nông- lâm nghiệp, Thực hiện bố trí các điểm dân cư xen kẽ và khu dân cư như đã quy hoạch.
- Giai đoạn 2026-2030: phát triển dịch vụ du lịch trên địa bàn xã; Hoàn thiện hệ thống giao thông, điện, các điểm dân cư mới, trường học... (Về chi tiết các nội dung quy hoạch được cụ thể trong Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Long Môn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030)

10. Đơn vị lập Đồ án quy hoạch

- Đơn vị lập nhiệm vụ quy hoạch: Liên danh Công ty TNHH kỹ thuật đo đạc Địa chính Quảng Ngãi và Công ty TNHH thiết kế kiến trúc xây dựng Trí Nam; Công ty TNHH thiết kế kiến trúc xây dựng Trí Nam đã được Sở Xây dựng Quảng Ngãi cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng về tổ chức lập quy hoạch xây dựng số QNG-00003117 ngày 22/8/2019.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Quyết định này là căn cứ để UBND xã Long Môn triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng theo quy định pháp luật hiện hành. Giao UBND xã Long Môn triển khai các công việc sau:

1. Tổ chức công bố công khai Quy hoạch chung xây dựng xã Long Môn, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phê duyệt theo quy định tại Điều 40, Luật Xây dựng và Điều 38, Luật quy hoạch năm 2017;

2. Tổ chức lập và phê duyệt hồ sơ cấm mốc giới quy hoạch theo quy hoạch được duyệt, bảo vệ mốc giới và giám sát việc xây dựng các công trình theo quy hoạch theo quy định tại Điều 44, Luật Xây dựng.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch, nhất là lập đồ án quy hoạch chi tiết, cụ thể hóa Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Long Môn, đề nghị UBND xã Long Môn phải thực hiện theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD và các quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hiện hành);

4. Thực hiện công tác quản lý đầu tư xây dựng phải căn cứ theo vào quy hoạch đã được phê duyệt theo quy định tại Điều 45, Luật Xây dựng.

5. Tổ chức lập Quy định quản lý Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Long Môn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo quy định tại Điều 20 Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ trình UBND huyện phê duyệt để làm cơ sở quản lý quy hoạch.

6. Ủy ban nhân dân xã Long Môn chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch nêu trên, xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật nếu phát hiện việc xây dựng không đúng với nội dung được phê duyệt tại Điều 1.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số: 157/QĐ-UBND ngày 29/3/2012 của chủ tịch UBND huyện Minh Long.

Điều 4. Chánh Văn Phòng HĐND&UBND huyện, thành viên Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch huyện Minh Long được thành lập tại Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND huyện Minh Long; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND xã Long Môn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND huyện;
- VP: HĐND&UBND huyện;
- VPĐP CTMTQG XD NTM huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**



Định Văn Diết